



**VĂN PHÒNG ỦY BAN QUỐC GIA VỀ
HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ**



**BỘ CÔNG THƯƠNG
MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE**



**DỰ ÁN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ CỦA CHÂU ÂU**

Hội thảo Giới thiệu kết quả phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ nhất của Việt Nam tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2013

**VIỆT NAM SAU-WTO:
Kỳ vọng, thực tế
và những ưu tiên trước mắt cho việc
hoàn thiện thể chế thị trường**

**Võ Trí Thành (CIEM)
votrithanh@mpi.gov.vn**

Hà Nội

Nội dung trình bày

- **Kinh tế VN sau-WTO: Kỳ vọng và thực tế**
- **Hội nhập và cải cách thể chế kinh tế**
- **Những ưu tiên (trước mắt) cho việc hoàn thiện thể chế thị trường**

Kinh tế VN sau-WTO: Kỳ vọng và thực tế

Hiệu quả phân bổ nguồn lực

Kỳ vọng: Tăng. ***Thực tế:*** Tăng ít nhiều, song chưa thực sự rõ ràng

➤ *Khả năng cạnh tranh* (tĩnh và động) có phần cải thiện

Năng lực cạnh tranh của hàng hóa VN tại thị trường Hoa Kỳ (phân loại HS-6)

	2001	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Ngành sử dụng công nghệ cao	0,001	0,092	0,144	0,200	0,137	0,172	0,193
Ngành sử dụng công nghệ thấp	1,003	3,765	3,828	3,769	4,039	4,277	4,074
Ngành sử dụng công nghệ trung bình	0,010	0,031	0,040	0,075	0,161	0,180	0,208
Nguyên nhiên liệu	9,621	2,892	2,589	1,915	1,866	1,736	1,660
Ngành sử dụng nguyên liệu	0,762	0,299	0,264	0,251	0,209	0,227	0,231

Nguồn: *Tính toán của CIEM theo số liệu COMTRADE.*

Số lượng mặt hàng có năng lực cạnh tranh ($RCA \geq 1$) tại các thị trường chính

<i>Thị trường</i>	<i>Năm</i>	<i>Hàng sử dụng công nghệ cao</i>	<i>Hàng sử dụng công nghệ thấp</i>	<i>Hàng sử dụng công nghệ trung bình</i>	<i>Hàng nguyên liệu thô</i>	<i>Hàng sử dụng nhiều nguyên liệu thô</i>
Hoa Kỳ	2001	63	153	70	67	190
	2006	61	127	63	59	152
	2007	85	202	109	81	184
	2008	78	199	106	84	183
	2009	86	201	107	86	184
Nhật Bản	2001	85	411	155	153	281
	2006	92	406	176	152	276
	2007	112	516	228	191	294
	2008	119	479	235	183	295
	2009	117	514	256	188	314
EU-15	2001	79	448	83	123	238
	2006	80	470	84	119	200
	2007	104	540	135	153	233
	2008	100	568	132	148	231

Nguồn: Tính toán của CIEM theo số liệu COMTRADE.

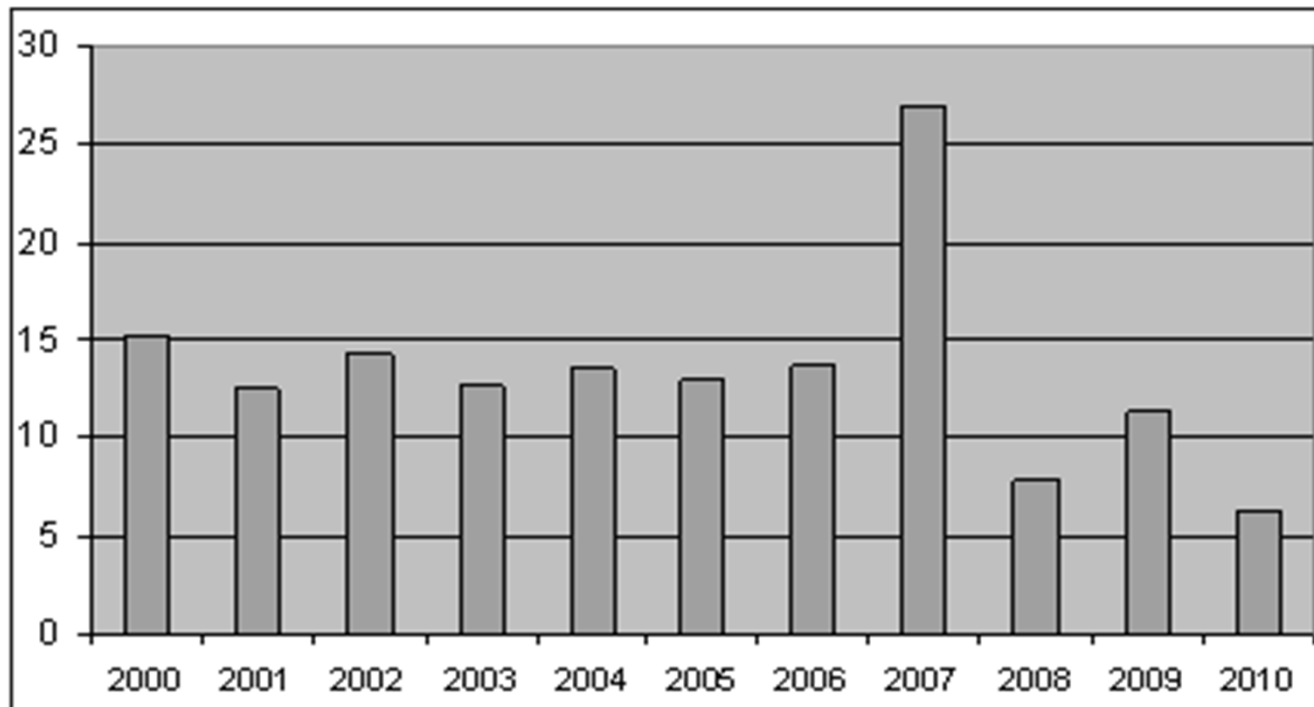
- *Năng suất*: Tính toán chung TFP giảm từ 2000, ít cải thiện những năm lại đây. ICOR cao: 2007-2010 tương ứng là 5,50; 6,58; 8,03; 8.0 (2006: 5,04) (Tỷ lệ đầu tư >>40% GDP, tăng trưởng không tương xứng (2007-2010: 8,5%; 6,2%; 5,3%; và 6,8%).

Lưu ý: Tính toán TFP còn khác nhau. Báo cáo KDI-DSI (2010): Tốc độ tăng TFP từ 2001 (2,8%) cao hơn phần lớn các nước trong khu vực; so sánh với 84 nền kinh tế, VN đứng thứ 8

- *Năng lực cạnh tranh quốc gia* (WEF; WB): ít cải thiện, thậm chí 2010 giảm (**vấn đề**: bất ổn vĩ mô, công nghệ,...thể chế); song tính hấp dẫn FDI khá cao (Yếu kém: minh bạch/tiên liệu được của chính sách; kết cấu hạ tầng; nhân lực có kỹ năng).

Đầu tư (FDI, tư nhân)

Kỳ vọng: Tăng mạnh (tiềm năng dài hạn, cải cách, cơ hội mới). **Thực tế:** có đột biến 2007. Các năm 2008-2010: mức tăng giảm do bất ổn vĩ mô và khủng hoảng.



- *Khu vực tư nhân*: Xu thế + ổn định tương đối 2007-2010 (“bám theo” FDI và đầu tư nhà nước?)
- *Khu vực FDI*: Cung dồi dào (đến giữa 2008) + kỳ vọng dài hạn và cả tận dụng cơ hội ngắn hạn (lợi nhuận cao, có thể huy động vốn tại VN)
- *Cơ cấu đầu tư*: Kết cấu hạ tầng ưu tiên (ĐTNN). GD-DT, y tế không tăng/thậm chí giảm. Kinh doanh tài sản/dịch vụ tư vấn bùng phát. Đầu tư vào CN chế biến chịu tác động mạnh của bất ổn và khủng hoảng

Cơ cấu vốn đầu tư theo thành phần kinh tế (%)

	<i>Năm</i>	<i>KT NN</i>	<i>KT ngoài NN</i>	<i>Khu vực FDI</i>	<i>Tổng số</i>
Trước gia nhập WTO	2001	59,8	22,6	17,6	100,0
	2002	57,3	25,3	17,4	100,0
	2003	52,9	31,1	16,0	100,0
	2004	48,1	37,7	14,2	100,0
	2005	47,1	38,0	14,9	100,0
	2006	45,7	38,1	16,2	100,0
Sau gia nhập WTO	2007	37,2	38,5	24,3	100,0
	2008	33,9	35,2	30,9	100,0
	2009	40,6	33,9	25,5	100,0
	2010	38,1	36,1	25,8	100,0

Xuất khẩu và thương mại

Kỳ vọng: có thể tăng đáng kể (lợi thế + tiếp cận thị trường). **Thực tế:** mức tăng 2007: không đột biến (21,9%)

- Xuất khẩu dễ tổn thương trước cú sốc giá và cầu (lớn hơn nhiều việc giảm hàng rào thương mại của đối tác).
- Danh mục và tỷ trọng hàng xuất khẩu chính chậm thay đổi (không tính dầu thô, năm 2005 là 59,3%, năm 2007, 2008 và 2009 lần lượt là 59,2%, 56,4% và 57,8%), song có sự dịch chuyển đáng kể trên một số thị trường chủ yếu
- Thâm hụt thương mại lớn (lý do: Tận dụng FTA khu vực? Cấu trúc kinh tế, đầu tư? Tỷ giá?)

Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng theo thị trường (%)

	Thủy sản		Nông sản		Dệt may		Giày dép	
	2005	2009	2005	2009	2005	2009	2005	2009
ASEAN	4,7	5,2	23,6	23,6	0,8	2,2	0,8	1,3
Trung Quốc	2,4	3,2	23,4	20,5	0,2	0,5	1,0	2,5
Nhật Bản	31,2	19,4	4,6	2,8	13,3	10,8	3,3	3,1
Hoa Kỳ	24,0	18,1	11,3	10,0	57,2	56,7	21,8	26,5
EU	15,8	26,4	19,4	22,1	19,0	18,1	62,4	49,3
Khác	22,0	27,7	17,7	21,0	9,6	11,7	10,6	17,2

Nguồn: GSO và tính toán của CIEM

Ổn định vĩ mô (kinh tế và xã hội)

Kỳ vọng: là thách thức và khó khăn hơn. **Thực tế:** Phức tạp và vượt quá kỳ vọng

- Lúng túng (thiếu kinh nghiệm, thiếu chuẩn bị), buộc phải sử dụng nhiều biện pháp hành chính, gây méo mó phân bổ nguồn lực và khó rút lui (một ví dụ là việc điều hành chính sách tiền tệ và công cụ lãi suất)
- Thị trường tài chính và bất động sản: Bùng nổ và tồn tại “khoảng trống” lớn giữa hoạt động thị trường và khả năng giám sát
- Xã hội: Nghèo tuyệt đối giảm; khoảng cách giàu nghèo tăng; người ít kỹ năng thiệt thòi hơn (như kỳ vọng). Vấn đề lưu tâm thiếu đầy đủ: Sự hình thành tầng lớp trung lưu; hành vi tiêu dùng (bùng nổ và tỷ lệ tiết kiệm nội địa có xu hướng giảm); quan hệ lao động

Hội nhập và cải cách thể chế kinh tế

Đánh giá chung

"Báo cáo Tác động hội nhập đến nền kinh tế VN sau 3 năm gia nhập WTO" của CIEM (tháng 5/2010; theo quan niệm về thể chế)

- Hoàn thiện khung pháp lý: kinh tế thị trường + phù hợp với các nguyên tắc của WTO và cam kết hội nhập: môi trường kinh doanh (cạnh tranh bình đẳng, minh bạch hóa, gia nhập, rút lui khỏi thị trường), đầu tư (PPP)+ phát triển các thị trường (hàng hóa, dịch vụ, bảo vệ người tiêu dùng, đất đai, tài chính, lao động), giảm sự can thiệp của Chính phủ (cả cải cách DNNN).
- Bộ máy thực thi chính sách
- Cơ chế thực thi pháp luật

"*Bản thuyết minh về nền kinh tế thị trường VN*" (Dự thảo) của Tổ Công tác...(tháng 4/2010; theo tiêu chí cho việc công nhận VN có quy chế là nền kinh tế thị trường)

- Vấn đề nền KT phi thị trường và các tiêu chí xác định một nền kinh tế thị trường (Hoa Kỳ, EU)
- Đánh giá nền kinh tế VN theo các tiêu chí xác định nền kinh tế thị trường (Quá trình Đổi mới; 1. Vai trò CP; 2. môi trường kinh doanh của DN; 3. Hệ thống quản trị DN; 4. Quyền sở hữu tài sản và cơ chế phá sản DN; 5. Môi trường đầu tư; 6. Vấn đề liên quan đất đai; 7. Thị trường lao động và tiền lương; 8. Hệ thống tài chính-ngân hàng; 9. Tiền tệ.

Vấn đề tồn đọng

- Chất lượng nhiều luật và văn bản thấp (chưa đồng bộ, thiếu rõ ràng, sửa đổi, điều chỉnh nhiều lần) ► hiểu và giải thích luật không thống nhất; áp dụng tùy tiện, thiếu trách nhiệm
- Hiệu lực thực thi pháp luật chậm được cải thiện (yếu trong phối hợp thực thi, chế tài, trách nhiệm giải trình, thực thi phán quyết của tòa án)
- Các văn bản hướng dẫn dưới Luật thường ban hành chậm, mâu thuẫn hoặc chồng chéo (ví dụ: Tình trạng “giấy phép con”)
- Thông tin pháp luật thường không kịp thời, cập nhật. Chưa có cơ chế trách nhiệm vật chất, pháp lý đối với thông tin sai
- Nhận thức và thói quen xã hội chưa phù hợp với việc xây dựng một nhà nước pháp quyền; thiếu luật sư, thẩm phán được đào tạo cơ bản.
- Thủ tục hành chính còn nặng nề. Điều tra doanh nghiệp 2009, hiệu quả dịch vụ hành chính là một trong năm lĩnh vực bị đánh giá thấp nhất

Thế chế thực thi cam kết hội nhập

- Hội nhập (KTQT) là một bộ phận hữu cơ của tiến trình Đổi Mới, cải cách của VN
- Nói chung, VN thực hiện nghiêm túc cam kết quốc tế (WTO, ASEAN, ASEAN + 1,..), mặc dù dư địa cho việc tiếp tục tự do hóa một cách có ý nghĩa còn lớn (Murray *et al* 2009)
- Bài học từ việc thực hiện CTHĐ CP (theo Báo cáo của HLAG 2008)
 - Cách thức thực thi mới: NQ Đảng (No 08-NQ/TW), CTHĐ CP (NQ 16), Hỗ trợ của các nhà tài trợ (CT B-WTO 2007-2012: chuyên gia, kỹ thuật và tài chính) + Nhóm Tư vấn cấp cao (HLAG)

■ Tác động tích cực

1. Nhận thức tốt hơn về vai trò và tác động của hội nhập
2. Bộ, tỉnh/thành đều xây dựng CTHĐ với nhu cầu và đặc điểm riêng (Một số có ý tưởng mới cho đột phá phát triển)
3. Tính đến lợi thế của hội nhập, nhiều tỉnh đã cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của mình

■ Điểm hạn chế

1. Phần lớn CTHĐ dàn trải, thiếu ưu tiên
2. Xử lý kém các vấn đề liên kết ngành và vùng cũng như giao thoa giữa WTO và các cam kết song phương/khu vực
3. Giám sát thực thi và những điều chỉnh kịp thời CTHĐ cho phù hợp với bối cảnh thay đổi yếu (quá dựa vào NQ đại hội)
4. Tiếng nói và sự tham gia của cộng đồng DN yếu

Những ưu tiên (ngắn hạn) cho việc hoàn thiện thể chế thị trường

Một số lưu ý có tính nguyên tắc

- Đảm bảo hiệu quả (phân bổ nguồn lực) và phát triển (nghĩa rộng)
- Thị trường vận hành “trơn tru” (sở hữu, hợp đồng, gia nhập, cạnh tranh, rút lui), giảm chi phí giao dịch
- Giảm thiểu rủi ro bất ổn vĩ mô, xã hội, môi trường
- Hội nhập: bản chất là tăng cường minh bạch, tính thị trường ► Phải đáp ứng đòi hỏi hội nhập. Vấn đề là hài hòa hóa các tuyến cam kết hội nhập và giảm phí tổn điều chỉnh (?)
- Thỏa mãn các tiêu chí công nhận nền kinh tế thị trường của Hoa Kỳ, EU,... Lưu ý: Các tiêu chí phù hợp với đòi hỏi của thị trường, song nhiều khi không phải thật bao quát và còn tùy thuộc vào cách nhìn nhận của đối tác, nhất là đối với một nền kinh tế chuyển đổi

Lựa chọn các lĩnh vực/vấn đề ưu tiên

- Chính sách kinh tế vĩ mô (hoàn thiện công cụ, giám sát và phối hợp chính sách)
- Khung pháp lý về các thị trường nhân tố sản xuất (Lao động, đất đai và bất động sản, tài chính) (Hoàn thiện trên “nền” đã có)
- Cạnh tranh và thực thi cạnh tranh (hoàn thiện khung pháp lý và cơ quan thực thi)
- Cải cách Hành chính (2 vấn đề: Thực thi Đề án 30 giảm thủ tục trong đầu tư, kinh doanh + Xử lý thích hợp tương quan “Yêu cầu đối với công chức – Hệ thống động lực)
- Thể chế quy hoạch, phân cấp và phát triển kết cấu hạ tầng (xây dựng, hoàn thiện pháp lý; phối hợp và giám sát)
- Hoàn thiện thể chế thực thi (và đàm phán) cam kết quốc tế (nội tại VN)

Cảm ơn!